

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM FINANCE INVESTMENT GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VFI GROUP., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108196076

**3. Ngày thành lập:** 22/03/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3, ngách 25/3, ngõ 25 đường Ngọc Thụy, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản | 6820     |
| 2.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                            | 3320     |
| 3.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                     | 4329     |
| 4.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                     | 4330     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                      | 4610     |
| 6.  | Đại lý du lịch                                                                                                                                     | 7911     |
| 7.  | Điều hành tua du lịch                                                                                                                              | 7912     |
| 8.  | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                       | 7920     |
| 9.  | Giáo dục mầm non                                                                                                                                   | 8510     |
| 10. | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Dạy nghề                                                                                                         | 8532     |
| 11. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                           | 7320     |
| 12. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                       | 4220     |
| 13. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                         | 4290     |
| 14. | Phá dỡ                                                                                                                                             | 4311     |
| 15. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                  | 4312     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                              | 4321     |

|     |                                                                                                                                                             |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                             | 4322        |
| 18. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn                                                                                                            | 5510        |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                            | 5610        |
| 20. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                               | 5621        |
| 21. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                     | 5630        |
| 22. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết : Kinh doanh bất động sản                                 | 6810(Chính) |
| 23. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán) | 6619        |
| 24. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                    | 7020        |
| 25. | Quảng cáo                                                                                                                                                   | 7310        |
| 26. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                         | 4390        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đại lý tàu biển;<br>- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.                      | 5229        |
| 28. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                              | 7410        |
| 29. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                       | 4100        |
| 30. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                   | 4210        |
| 31. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                        | 5629        |
| 32. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                         | 7730        |
| 33. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                     | 8560        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức    | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ VĂN THÁI  | Thôn Mỹ Cầu, Xã Hoảng Xuân, Huyện Hoảng Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 1.000      | 10.000.000            | 0,002     | 171773687                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                         | Tổng số           | 1.000      | 10.000.000            | 0,002     |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ VĂN VỌNG  | Số 46, ngõ 306, phố Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 49.998.000 | 499.980.000.000       | 99,996    | 013014473                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                         | Tổng số           | 49.998.000 | 499.980.000.000       | 99,996    |                                                                                             |         |
| 3   | HÀ CHÍ LUYỆN | Thôn Nghĩa Hương, Xã Hoảng Xuân, Huyện Hoảng Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 1.000      | 10.000.000            | 0,002     | 171442260                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                         | Tổng số           | 1.000      | 10.000.000            | 0,002     |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ VĂN VỌNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 06/06/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013014473

Ngày cấp: 27/10/2007

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 46, ngõ 306, phố Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 46, ngõ 306, phố Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội